

Số: **58** /TB-QLTTHN

Hà Nội, ngày **21** tháng 8 năm 2023

**THÔNG BÁO**  
**Về việc lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản**

Căn cứ Luật Đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 ngày 17/11/2016;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 ngày 21/06/2017;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ – CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Thông tư số 45/2017/TT-BTC ngày 12/5/2017 của Bộ Tài chính quy định khung thù lao dịch vụ đấu giá tài sản theo quy định tại Luật đấu giá tài sản;

Căn cứ Thông tư số 108/2020/TT-BTC ngày 21/12/2020 của Bộ Tài chính quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 45/2017/TT-BTC ngày 12 tháng 5 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ tài chính quy định khung thù lao dịch vụ đấu giá tài sản theo quy định tại Luật đấu giá tài sản;

Căn cứ Thông tư số 48/2017/TT-BTC ngày 15/5/2017 của Bộ Tài chính quy định chế độ tài chính trong hoạt động đấu giá tài sản;

Căn cứ thông tư 02/2022/TT-BTP ngày 08/02/2022 của Bộ Tư pháp hướng dẫn lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản;

Căn cứ Quyết định số **282**/QĐ-QLTTHN ngày 18/8/2023 của Cục Quản lý thị trường thành phố Hà Nội về việc phê duyệt phương án xử lý tài sản là tang vật vi phạm hành chính bị tịch thu đợt 23.24.25.26.27.28 QLTT năm 2023.

Cục Quản lý thị trường thành phố Hà Nội thông báo lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản cụ thể như sau:

1. Tên, địa chỉ đơn vị có tài sản đấu giá:

1.1. Tên đơn vị: Cục Quản lý thị trường thành phố Hà Nội

1.2. Địa chỉ: Số 80 Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội

2. Tài sản đấu giá và giá khởi điểm:

- Tài sản đấu giá: Hàng hóa các loại đã được phê duyệt chuyển bán theo Quyết định số **282**/QĐ-QLTTHN ngày 18/8/2023 của Cục Quản lý thị trường thành phố Hà Nội, bao gồm: quần áo, giày dép, bình đựng nước, quạt phun sương, mũ chống nắng, mic hát kèm loa cầm tay, phụ tùng ô tô, máy phun sương mini, máy mài cầm tay, máy khoan tháo vít đa năng, phụ kiện điện thoại, găng



tay chống nắng, lọ đựng gia vị, bộ quần áo bơi trẻ em, dây sạc điện thoại, máy sấy tóc, quần áo, túi tập thể hình, khăn trải thảm yoga, dụng cụ tập thể hình, tông đơ cắt tóc, vợt cầu lông, cát đen tự nhiên, máy khô nhiệt, bóng đèn led, máy thổi bụi cầm tay, máy khoan cầm tay, kẹp tóc, lược chải tóc, vải may mặc, băng keo dán, quạt đeo cổ, máy xay thực phẩm, đèn pin đeo đầu, máy uốn tóc, xe đạp trẻ em, văn phòng phẩm, cuộn dây cước câu, lưỡi câu, mồi câu, túi xách, găng tay, máy xay sinh tố, máy ép hoa quả, máy đánh trứng, máy vắt cam, nồi nướng, máy tạo ẩm không khí, bình lắc pha chế, máy rửa xe, chao đèn, quạt điện, quần lót trẻ em, tất trẻ em, quần lót nữ, áo lót cho mẹ, balo, kim cắt, thước rút, phụ tùng xe máy, bình giữ nhiệt, ruột bút bi, vali kéo du lịch, đồ gia dụng, nạo củ quả, máy rửa mặt, micro không dây, loa, máy đánh trứng, keo dán, bút xóa dạng băng, kính mắt, nồi lẩu mini, nồi cơm điện, bộ vòi hoa sen, bộ ga gối, vỏ chăn...

- Nguồn gốc tài sản: Tang vật vi phạm hành chính bị tịch thu.

- Giá khởi điểm của tài sản đấu giá đợt 23 QLTT/2023 là: 243.513.000 đồng (*Hai trăm bốn mươi ba triệu, năm trăm mười ba nghìn đồng*) (giá trị tang vật vi phạm hành chính làm căn cứ xác định khung và thẩm quyền xử phạt).

- Giá khởi điểm của tài sản đấu giá đợt 24 QLTT/2023 là: 216.404.000 đồng (*Hai trăm mười sáu triệu, bốn trăm linh bốn nghìn đồng*) (giá trị tang vật vi phạm hành chính làm căn cứ xác định khung và thẩm quyền xử phạt).

- Giá khởi điểm của tài sản đấu giá đợt 25 QLTT/2023 là: 273.378.000 đồng (*Hai trăm bảy mươi ba triệu, ba trăm bảy mươi tám nghìn đồng*) (giá trị tang vật vi phạm hành chính làm căn cứ xác định khung và thẩm quyền xử phạt).

- Giá khởi điểm của tài sản đấu giá đợt 26 QLTT/2023 là: 98.528.000 đồng (*Chín mươi tám triệu, năm trăm hai mươi tám nghìn đồng*) (giá trị tang vật vi phạm hành chính làm căn cứ xác định khung và thẩm quyền xử phạt).

- Giá khởi điểm của tài sản đấu giá đợt 27 QLTT/2023 là: 280.510.000 đồng (*Hai trăm tám mươi triệu, năm trăm mười nghìn đồng*) (giá trị tang vật vi phạm hành chính làm căn cứ xác định khung và thẩm quyền xử phạt).

- Giá khởi điểm của tài sản đấu giá đợt 28 QLTT/2023 là: 406.446.000 đồng (*Bốn trăm linh sáu triệu, bốn trăm bốn mươi sáu nghìn đồng*) (giá trị tang vật vi phạm hành chính làm căn cứ xác định khung và thẩm quyền xử phạt).

### 3. Tiêu chí lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản:

Tiêu chí lựa chọn đơn vị thực hiện cuộc đấu giá tài sản căn cứ theo khoản 4 Điều 56 của Luật Đấu giá tài sản số 01/2016/QH14.

Hồ sơ đăng ký tham gia tổ chức đấu giá do tổ chức đấu giá tài sản chuẩn bị, có dấu xác nhận của tổ chức đấu giá tài sản. Tổ chức đấu giá tài sản chịu trách

nhiệm đối với các giấy tờ, tài liệu chứng minh các tiêu chí trong hồ sơ đăng ký tham gia của mình. Cụ thể theo Bảng điểm tiêu chí lựa chọn tổ chức đấu giá:

| TT        | NỘI DUNG                                                                                                                                                                                                                                                       | MỨC TỐI ĐA  |
|-----------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| <b>I</b>  | <b>Cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá đối với loại tài sản đấu giá</b>                                                                                                                                                          | <b>23,0</b> |
| <b>1</b>  | <b>Cơ sở vật chất bảo đảm cho việc đấu giá</b>                                                                                                                                                                                                                 | <b>11,0</b> |
| 1.1       | Có trụ sở ổn định, địa chỉ rõ ràng kèm theo thông tin liên hệ (số điện thoại, fax, địa chỉ thư điện tử...)                                                                                                                                                     | 6,0         |
| 1.2       | Địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá được bố trí ở vị trí công khai, thuận tiện                                                                                                                                                                      | 5,0         |
| <b>2</b>  | <b>Trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá</b>                                                                                                                                                                                                       | <b>8,0</b>  |
| 2.1       | Có máy in, máy vi tính, máy chiếu, thùng đựng phiếu trả giá bảo đảm an toàn, bảo mật và các phương tiện khác bảo đảm cho việc đấu giá                                                                                                                          | 4,0         |
| 2.2       | Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại nơi bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá; nơi tổ chức cuộc đấu giá                                                                                                                                     | 4,0         |
| <b>3</b>  | <b>Có trang thông tin điện tử đang hoạt động</b>                                                                                                                                                                                                               | <b>2,0</b>  |
| <b>4</b>  | <b>Đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đủ điều kiện thực hiện hình thức đấu giá trực tuyến</b>                                                                                                                                                             | <b>1,0</b>  |
| <b>5</b>  | <b>Có nơi lưu trữ hồ sơ đấu giá</b>                                                                                                                                                                                                                            | <b>1,0</b>  |
| <b>II</b> | <b>Phương án đấu giá khả thi, hiệu quả (Thuyết minh đầy đủ các nội dung trong phương án)</b>                                                                                                                                                                   | <b>22,0</b> |
| <b>1</b>  | <b>Phương án đấu giá đề xuất việc tổ chức đấu giá đúng quy định của pháp luật, bảo đảm tính công khai, minh bạch, khách quan</b>                                                                                                                               | <b>4,0</b>  |
| <b>2</b>  | <b>Phương án đấu giá đề xuất thời gian, địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá, địa điểm tổ chức cuộc đấu giá, buổi công bố giá thuận lợi cho người tham gia đấu giá; hình thức đấu giá, bước giá, số vòng đấu giá có tính khả thi và hiệu quả cao</b> | <b>4,0</b>  |
| <b>3</b>  | <b>Phương án đấu giá đề xuất cách thức bảo mật thông tin, chống thông đồng, dìm giá</b>                                                                                                                                                                        | <b>4,0</b>  |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                       |             |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 4   | <i>Phương án đấu giá đề xuất thêm các địa điểm, hình thức niêm yết, thông báo công khai khác nhằm tăng mức độ phổ biến thông tin đấu giá</i>                                                                                                                                          | 4,0         |
| 5   | <i>Phương án đấu giá đề xuất giải pháp bảo đảm an toàn, an ninh trật tự cho việc tổ chức thực hiện đấu giá</i>                                                                                                                                                                        | 3,0         |
| 6   | <i>Phương án đấu giá đề xuất các giải pháp giải quyết các tình huống phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện việc đấu giá</i>                                                                                                                                                     | 3,0         |
| III | <b>Năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức đấu giá tài sản</b>                                                                                                                                                                                                                    | <b>45,0</b> |
| 1   | <i>Trong năm trước liền kề đã thực hiện hợp đồng dịch vụ đấu giá cùng loại tài sản với tài sản dự kiến đưa ra đấu giá (Tổ chức đấu giá tài sản liệt kê tất cả các cuộc đấu giá tài sản đã thực hiện. Người có tài sản không yêu cầu nộp bản chính hoặc bản sao hợp đồng)</i>          | 6,0         |
| 1.1 | <i>Dưới 03 hợp đồng (bao gồm trường hợp không thực hiện hợp đồng nào)</i>                                                                                                                                                                                                             | 2,0         |
| 1.2 | <i>Từ 03 hợp đồng đến dưới 10 hợp đồng</i>                                                                                                                                                                                                                                            | 3,0         |
| 1.3 | <i>Từ 10 hợp đồng đến dưới 20 hợp đồng</i>                                                                                                                                                                                                                                            | 4,0         |
| 1.4 | <i>Từ 20 hợp đồng đến dưới 30 hợp đồng</i>                                                                                                                                                                                                                                            | 5,0         |
| 1.5 | <i>Từ 30 hợp đồng trở lên</i>                                                                                                                                                                                                                                                         | 6,0         |
| 2   | <i>Trong năm trước liền kề đã tổ chức đấu giá thành các cuộc đấu giá cùng loại tài sản với tài sản dự kiến đưa ra đấu giá có mức chênh lệch trung bình giữa giá trúng đấu giá so với giá khởi điểm (Tổ chức đấu giá tài sản liệt kê tất cả các cuộc đấu giá tài sản đã thực hiện)</i> | 18,0        |
| 2.1 | <i>Dưới 20% (bao gồm trường hợp không có chênh lệch)</i>                                                                                                                                                                                                                              | 10,0        |
| 2.2 | <i>Từ 20% đến dưới 40%</i>                                                                                                                                                                                                                                                            | 12,0        |
| 2.3 | <i>Từ 40% đến dưới 70%</i>                                                                                                                                                                                                                                                            | 14,0        |
| 2.4 | <i>Từ 70% đến dưới 100%</i>                                                                                                                                                                                                                                                           | 16,0        |
| 2.5 | <i>Từ 100% trở lên</i>                                                                                                                                                                                                                                                                | 18,0        |
| 3   | <i>Thời gian hoạt động trong lĩnh vực đấu giá tài sản tính từ thời</i>                                                                                                                                                                                                                | 5,0         |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |            |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
|     | <b>điểm có Quyết định thành lập hoặc được cấp Giấy đăng ký hoạt động (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản được thành lập trước ngày Luật Đấu giá tài sản có hiệu lực)</b>                                                                                                                                                                                       |            |
| 3.1 | Dưới 03 năm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 3,0        |
| 3.2 | Từ 03 năm đến dưới 05 năm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4,0        |
| 3.3 | Từ 05 năm trở lên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 5,0        |
| 4   | <b>Số lượng đấu giá viên của tổ chức đấu giá tài sản</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | <b>3,0</b> |
| 4.1 | 01 đấu giá viên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 1,0        |
| 4.2 | Từ 02 đến dưới 05 đấu giá viên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 2,0        |
| 4.3 | Từ 05 đấu giá viên trở lên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 3,0        |
| 5   | <b>Kinh nghiệm hành nghề của đấu giá viên của tổ chức đấu giá tài sản (Tính từ thời điểm được cấp Thẻ đấu giá viên theo Nghị định số 05/2005/NĐ-CP ngày 18/01/2005 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc đăng ký danh sách đấu giá viên tại Sở Tư pháp theo Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04/3/2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc Thẻ đấu giá viên theo Luật Đấu giá tài sản)</b> | <b>4,0</b> |
| 5.1 | Không có đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 2,0        |
| 5.2 | Từ 01 đến 02 đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 3,0        |
| 5.3 | Từ 03 đấu giá viên trở lên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4,0        |
| 6   | <b>Nộp thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc đóng góp vào ngân sách Nhà nước trong năm trước liền kề, trừ thuế giá trị gia tăng</b>                                                                                                                                                                                                                                                                       | <b>5,0</b> |
| 6.1 | Dưới 50 triệu đồng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 2,0        |
| 6.2 | Từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 3,0        |
| 6.3 | Từ 100 triệu đồng đến dưới 200 triệu đồng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4,0        |
| 6.4 | Từ 200 triệu đồng trở lên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 5,0        |
| 7   | <b>Đội ngũ nhân viên làm việc theo hợp đồng lao động</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | <b>3,0</b> |
| 7.1 | Dưới 03 nhân viên (bao gồm trường hợp không có nhân viên nào)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 2,0        |

|                     |                                                                                                                                                                                                                                                              |                           |
|---------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|
| 7.2                 | <i>Từ 03 nhân viên trở lên</i>                                                                                                                                                                                                                               | 3,0                       |
| 8                   | <i>Có người tập sự hành nghề trong tổ chức đấu giá tài sản trong năm trước liền kề hoặc năm nộp hồ sơ đăng ký tham gia lựa chọn</i>                                                                                                                          | 1,0                       |
| IV                  | <b>Thù lao dịch vụ đấu giá, chi phí đấu giá tài sản phù hợp</b><br><i>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 1, 2 hoặc 3</i>                                                                                                                              | 5,0                       |
| 1                   | <i>Bằng mức thù lao dịch vụ đấu giá theo quy định của Bộ Tài chính</i>                                                                                                                                                                                       | 3,0                       |
| 2                   | <i>Giảm dưới 20% mức tối đa thù lao dịch vụ đấu giá (không áp dụng đối với mức thù lao phần trăm trên phần chênh lệch giá trị tài sản theo giá trúng đấu giá với giá khởi điểm theo quy định của Bộ Tài chính)</i>                                           | 4,0                       |
| 3                   | <i>Giảm từ 20% trở lên mức tối đa thù lao dịch vụ đấu giá (không áp dụng đối với mức thù lao phần trăm trên phần chênh lệch giá trị tài sản theo giá trúng đấu giá với giá khởi điểm theo quy định của Bộ Tài chính)</i>                                     | 5,0                       |
| V                   | <b>Tiêu chí khác phù hợp với tài sản đấu giá do người có tài sản đấu giá quyết định</b>                                                                                                                                                                      | 5,0                       |
| 1                   | <b>Có bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp cho đấu giá viên</b>                                                                                                                                                                                                  | 2,0                       |
| 2                   | <b>Đơn vị đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đủ điều kiện thực hiện hình thức đấu giá trực tuyến (không bao gồm đơn vị thuê trang tin) và không thu bất kỳ khoản phí dịch vụ trực tuyến nào ngoài khoản tiền bán hồ sơ theo quy định của pháp luật.</b> | 3,0                       |
| <b>Tổng số điểm</b> |                                                                                                                                                                                                                                                              | <b>100</b>                |
| VI                  | <b>Có tên trong danh sách các tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố</b>                                                                                                                                                                              |                           |
| 1                   | <i>Có tên trong danh sách tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố</i>                                                                                                                                                                                  | <i>Đủ điều kiện</i>       |
| 2                   | <i>Không có tên trong danh sách tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố</i>                                                                                                                                                                            | <i>Không đủ điều kiện</i> |

Lưu ý:

- Hồ sơ đăng ký tham gia lựa chọn tổ chức đấu giá làm thành 01 bộ in bìa đóng thành quyển.
- Trường hợp có từ hai tổ chức đấu giá trở lên có số điểm chấm bằng nhau thì việc lựa chọn tổ chức đấu giá ưu tiên theo thứ tự:

1. Tổ chức có số điểm về tiêu chí phương án đấu giá khả thi, hiệu quả cao hơn.
2. Tổ chức có số điểm của tiêu chí về năng lực, kinh nghiệm và uy tín cao hơn.
3. Tổ chức có số điểm về thù lao dịch vụ đấu giá, chi phí đấu giá tài sản cao hơn.

**4. Thời gian, địa điểm nộp hồ sơ đăng ký tham gia tổ chức đấu giá:**

4.1. Thời gian nhận hồ sơ: 03 ngày làm việc kể từ ngày thông báo về việc lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản.

4.2. Địa điểm nộp hồ sơ: Cục Quản lý thị trường thành phố Hà Nội (Phòng Tổ chức Hành chính)

Địa chỉ: 80 Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội.

(Người đến nộp hồ sơ phải mang theo giấy giới thiệu, chứng minh nhân dân, không hoàn trả hồ sơ đối với những hồ sơ không được lựa chọn).

Chi tiết liên hệ đ/c Trương Bích Hòa - Phòng Tổ chức Hành chính (ĐT: 024.33117338/ 096 279 4358).

Cục Quản lý thị trường thành phố Hà Nội thông báo để các Tổ chức đấu giá tài sản trên địa bàn thành phố Hà Nội biết và đăng ký./.

Nơi nhận:

- Tổng cục QLTT (để báo cáo);
- Cổng thông tin điện tử quốc gia về đấu giá tài sản- Bộ Tư pháp;
- Đ/c Cục trưởng (để b/c);
- Lưu VT, TCHC.

**KT. CỤC TRƯỞNG  
PHÓ CỤC TRƯỞNG**



**Trần Việt Hùng**